

Số: /QĐ-UBND

Lưu Kiếm, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác núi đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Đông núi Đá Kẹp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LƯU KIỂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ nông nghiệp và môi trường về việc đình chỉ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 6/02/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 238a/QĐ-UBND ngày 24/01/2026 về việc phê duyệt giá gạo tẻ để lập phương án hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn phường Lưu Kiếm quý I năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 6617/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Đông núi Đá Kẹp, xã Lưu Kỳ và xã Liên Khê huyện Thủy Nguyên;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2073/GP-UBND ngày 21/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho phép Công ty Cổ phần Sơn Minh Châu được khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực phía Đông núi Đá Kẹp thuộc xã Lưu Kỳ và xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số 78/NQ-UBND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua các Dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số Dự án 4068143711 do Sở Tài chính cấp chứng nhận lần đầu ngày 16/6/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 15/8/2025;

Căn cứ các Thông báo của Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác núi đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Đông núi Đá Kẹp;

Căn cứ Chứng thư định giá đất số 61/2026/TVB-CT ngày 11/02/2026 của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Định giá TVB;

Trên cơ sở trích lục nguồn gốc đất do phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị xác lập được UBND phường xác nhận; kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản, công trình vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất của Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân phường, các hộ gia đình cá nhân thuộc diện thu hồi đất thực hiện dự án; Phương án bồi thường, hỗ trợ do Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường lập được phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thẩm định.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 14/TTr - KTHT&ĐT ngày 11/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác núi đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Đông núi Đá Kẹp, bao gồm:

1. Giá đất cụ thể:

1.1. Mục đích định giá đất: Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

1.2. Thông tin thửa đất, khu đất: Tại phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng, chi tiết các thửa đất theo trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công trình xây dựng Hải Phòng lập được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng duyệt ngày 22/4/2019.

1.3. Loại đất, đơn giá: Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm: 130.000 đ/m²

2. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác núi đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Đông núi Đá Kẹp:

2.1. Tổng diện tích thu hồi đất nông nghiệp được giao theo QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/1994 của UBND thành phố Hải Phòng: **20.110,5 m²**

2.2. Tổng số hộ được bồi thường, hỗ trợ: **22 hộ**

2.3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án là: **17.120.841.500 đồng**

(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, một trăm hai mươi triệu, tám trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm đồng)

- Bồi thường, hỗ trợ về đất đai: **2.614.365.000 đồng**
- Bồi thường cây cối hoa màu: **201.105.000 đồng**
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: **13.071.825.000 đồng**
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: **784.309.500 đồng**
- Hỗ trợ ổn định đời sống: **113.535.000 đồng**
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: **335.702.000 đồng**

(Có Danh sách tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo)

2.4. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 22 hộ dân có đất thu hồi *(Có phương án chi tiết của các hộ dân kèm theo)*.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan.

1. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Quyết định này được ban hành Chủ đầu tư (Công ty cổ phần Sơn Minh Châu) có trách nhiệm:

- Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: **16.785.139.500 đồng**

- Chuyển kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vào tài khoản số **3742.0.1166830.00000** của Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm tại Kho bạc Nhà nước khu vực III – Phòng Giao dịch số 2: **335.702.000 đồng**

2. Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường phối hợp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giám sát việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công phường phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; trường hợp hộ dân không nhận Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản.

4. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất thực hiện Dự án có trách nhiệm nhận tiền và bàn giao đất trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công, Giám đốc Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công thường, thủ trưởng các cơ quan liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND phường;
- Hội đồng BT,HT&TĐC;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Thủy Lâm

**TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI
THỰC HIỆN DỰ ÁN KHAI THÁC NÚI ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI PHÍA ĐÔNG NÚI ĐÁ KẸP PHƯỜNG LƯU KIỂM**
(Theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của UBND phường Lưu Kiếm)

STT	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ (thôn)	Vị trí thửa đất			Tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Xứ Đông	Theo Trích đo địa chính		Tổng cộng	
				Số tờ bản đồ	Số thửa		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Phạm Thị Dũng	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	15	1.045.181.800	
		Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	16		
2	Phạm Văn Dụng	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	21	589.769.300	
3	Ngô Thị Vĩnh	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	22	481.649.000	
4	Nguyễn Thị Nga	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	23	709.022.300	
5	Phạm Văn Luân	Lưu Kỳ 2	Đường Cây	1	25	692.707.000	
6	Ngô Thị Vĩnh	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	26	468.385.000	
7	Phạm Khắc Yên	Lưu Kỳ 2	Hang Lương		27	712.250.000	
8	Bùi Văn Thường (vợ là Đào Thị Út)	Lưu Kỳ 2	Đá Kẹp	1	28	436.653.000	
9	Ngô Thị Vĩnh	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	29	550.456.000	

STT	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ (thôn)	Vị trí thửa đất			Tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Xứ Đông	Theo Trích đo địa chính		Tổng cộng	
				Số tờ bản đồ	Số thửa		
10	Phạm Thị Hương Giang	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	30	489.479.000	
11	Nguyễn Quang Sửu (vợ là Phạm Thị Hồng)	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	31	325.026.800	
12	Nguyễn Văn Diễm	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	135	418.765.300	
13	Đoàn Văn Quỳnh (vợ là Trịnh Thị Thiên Hương)	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	136	3.612.782.000	
		Lưu Kỳ 2	Núi Đá Kẹp	1	137		
		Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	138		
14	Phạm Hồng Thị	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	139	774.195.000	
15	Nguyễn Thị Tam	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	140	362.396.000	
16	Nguyễn Hữu Lý	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	141	149.380.400	
17	Bùi Duy Mai (vợ là Nguyễn Thị Nhật) - đã chết đại diện hộ gia đình ông Bùi Văn Thuật	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	142	31.149.000	
18	Phạm Văn Vân (vợ là Đoàn Thị Quý)	Lưu Kỳ 2	Hang Lương	1	148	247.039.300	

STT	Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ (thôn)	Vị trí thửa đất			Tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Xứ Đông	Theo Trích đo địa chính		Tổng cộng	
				Số tờ bản đồ	Số thửa		
19	Trần Văn Nghĩa	Lưu Kỳ 2	Núi Ngọc	1	150	567.364.900	
20	Bùi Văn Bui	Lưu Kỳ 2		1	151	165.008.400	
21	Bùi Đình Đề	Lưu Kỳ 2	Núi Ngọc	1	152	991.484.000	
22	Chu Văn Lai (vợ là bà Lê Thị La)	Lưu Kỳ 2	Núi Ngọc	1	153	2.964.996.000	
		Lưu Kỳ 2	Núi Ngọc	1	286		
TỔNG CỘNG						16.785.139.500	-
Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (chi trả trực tiếp cho các hộ dân):						16.785.139.500	
Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:						335.702.000	
Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:						17.120.841.500	